

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 59/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cảng vụ đường thủy nội địa, các cảng vụ hàng hải được giao hoặc ủy quyền quản lý cảng, bến thủy nội địa; các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng chịu phí, lệ phí và cơ quan thu phí, lệ phí

1. Các phương tiện thủy nội địa, tàu biển (sau đây gọi là phương tiện) ra, vào hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa (kể cả cảng, bến chuyên dùng) đã được cơ quan nhà nước công bố cấp phép hoạt động phải chịu phí, lệ phí áp

dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa khác với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí là các cảng vụ đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền); các cảng vụ hàng hải (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền) và cơ quan được ủy quyền khác (nếu có) thực hiện nhiệm vụ quản lý cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các trường hợp không chịu phí, lệ phí

Những trường hợp sau đây không phải chịu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa:

1. Phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan Hải quan đang làm nhiệm vụ (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của các cơ quan thanh tra giao thông, Cảng vụ đường thủy nội địa.

2. Phương tiện tránh bão, cấp cứu.

3. Phương tiện vận chuyển hàng hóa có trọng tải toàn phần dưới 10 tấn hoặc chở khách dưới 13 ghế.

4. Phương tiện vận chuyển phòng chống lụt bão.

Điều 4. Mức thu

Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa quy định như sau:

1. Mức thu

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
1	Phí trọng tải	
a)	Lướt vào (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
b)	Lướt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến

b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 200 tấn đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.	50.000 đồng/chuyến

2. Đối với tàu biển vào, ra cảng bến thủy nội địa phải chịu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính ban hành mức thu phí, lệ phí hàng hải; đồng thời không chịu các khoản phí, lệ phí nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp trong cùng một chuyến đi, phương tiện vào, ra nhiều cảng bến thủy nội địa thuộc cùng một đại diện Cảng vụ quản lý thì chỉ phải chịu một lần phí, lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Phương tiện vào, ra cảng không nhằm mục đích bốc dỡ hàng hóa, không nhận trả khách áp dụng mức thu phí trọng tải bằng 70% (bảy mươi phần trăm) mức thu phí trọng tải quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Đối với các phương tiện không phải là phương tiện chở hàng hoá được quy đổi khi tính phí trọng tải như sau:

a) Phương tiện chuyên dùng: 01 mã lực tương đương với 01 tấn trọng tải toàn phần.

b) Phương tiện chở khách: 01 giường nằm tương đương với 06 ghế hành khách hoặc tương đương với 6 tấn trọng tải toàn phần; 01 ghế hành khách tương đương với 01 tấn trọng tải toàn phần.

6. Phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến đường thủy nội địa thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp phí, lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi cơ quan thu phí, lệ phí mở tài khoản tại ngày phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

Điều 5. Quản lý, sử dụng

1. Cơ quan thu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm đăng ký, kê khai nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định